

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2025
V/v Tranh chấp về hôn nhân và gia
đình - Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Cẩm Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Văn Dũng;
- Ông Nguyễn Hồng Thơ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lệ Huyền- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 về việc: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 394/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Tô Ngọc S, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp M1 1, xã M2, huyện TM, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: Số 25, đường LH, Khóm MH, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị L, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 25, đường LH, Khóm MH, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/3/2025; trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Tô Ngọc S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Tô Ngọc S và bà Bùi Thị L đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 20/11/2000. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về

sau vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Hiện nay vợ chồng còn sống chung nhà nhưng đã không còn đời sống vợ chồng hơn 10 năm, mỗi người ở một phòng và mỗi người có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai, ông S đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn lại được. Nay ông Tô Ngọc S nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với bà Bùi Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Tô Ngọc NY, sinh ngày 13/7/2001 và Tô Tất Th, sinh ngày 18/8/2006. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn bà Bùi Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Tô Ngọc S và bà Bùi Thị L đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 20/11/2000. Thời gian đầu bà L với ông S chung sống hạnh phúc, về sau vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nhưng đó là những chuyện nhỏ nhặt, không đáng để vợ chồng phải ly hôn. Bà L và ông S không còn đời sống vợ chồng chỉ vài tháng nay không phải hơn 10 năm như lời trình bày của ông S. Bà L đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm với ông S nhưng không thành, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn do ông S cương quyết ly hôn. Tuy nhiên, hiện nay con chung đã trưởng thành nhưng chưa gả cưới, nếu bà và ông S ly hôn sẽ ảnh hưởng đến việc gả cưới của con chung nên bà L không đồng ý ly hôn, khi nào con chung gả cưới xong bà L sẽ đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Tô Ngọc NY, sinh ngày 13/7/2001 và Tô Tất Th, sinh ngày 18/8/2006. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Ông Tô Ngọc S yêu cầu được ly hôn với bà Bùi Thị L, ngoài ra nguyên đơn, bị đơn không còn yêu cầu nào khác nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình - Ly hôn”.

Về thẩm quyền giải quyết: Bà Bùi Thị L là bị đơn trong vụ án có địa chỉ: Số 25, đường LH, Khóm MH, Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tô Ngọc S và bà Bùi Thị L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 20/11/2000 tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông S và bà L cùng thừa nhận trong quá trình ông S và bà L chung sống có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không thành, hiện nay dù ông S và bà L còn sống chung nhà nhưng đời sống vợ chồng đã không còn. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L xác nhận tình cảm vợ chồng giữa bà L và ông S không thể hàn gắn lại được nhưng bà không đồng ý ly hôn do việc ly hôn giữa bà với ông S sẽ ảnh hưởng đến việc gả cưới con chung.

Hội đồng xét xử nhận định, hôn nhân giữa ông S và bà L đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông S để ông S được ly hôn với bà Bùi Thị L.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Tô Ngọc NY, sinh ngày 13/7/2001 và Tô Tất Th, sinh ngày 18/8/2006. Hiện nay hai con chung đã trưởng thành, ông S và bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ông S và bà L thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Ông S và bà L thống nhất không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Tô Ngọc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Tô Ngọc S. Ông Tô Ngọc S được ly hôn với bà Bùi Thị L.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Ông Tô Ngọc S phải chịu 300.000 đồng án phí về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0003448 ngày 18/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Bà Bùi Thị L không phải chịu án phí.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS TPCL;
- Toà án Tỉnh;
- Lưu: HSVA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Cẩm Hùng